

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13/4/2022

Về việc: “Xin ly hôn, chia tài sản chung
và giải quyết việc nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Triệu

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quang Tuyển – Cán bộ hưu trí

2. Bà Biện Mỹ Linh – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Thành phố Phú Quốc

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung– Thư ký Tòa án thành phố Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 186/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15/7/2020, về: “Ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1979*

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**** Bị đơn:** Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1988*

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thu Ph, sinh năm 1968 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt); Địa chỉ: Tổ 8, ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.*

(anh Kh, chị D có mặt, bà Ph có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại bản tự khai và các ý kiến có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Kh trình bày: Anh Kh và chị Lê Thị Thùy D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang ngày 25/8/2008. Sau một thời gian chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Từ đầu năm 2019 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân và hiện không còn chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh Kh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Kiều Trang, sinh ngày 18/8/2005 và Nguyễn Chí Khang, sinh ngày 21/10/2007. Khi ly hôn hai người con chung có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo dựng được tài sản chung là căn nhà gắn liền với diện tích đất 507,09m² tọa lạc tại ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc. Tuy nhiên phần đất này đã bị nằm trong quy hoạch dự án khu phức hợp Vịnh Đầm (giai đoạn 2) tại xã Dương Tơ và phường An Thới, thành phố Phú Quốc theo quyết định bồi thường số 7415/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc, tổng số tiền bồi thường là 1.339.202.900 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi chín triệu hai trăm lẻ hai nghìn chín trăm đồng), hiện số tiền bồi thường này chị D đã nhận toàn bộ; 01 nền tái định cư trong Khu dân cư Suối Lớn, xã Dương Tơ.

Anh Kh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tiền bồi thường nói trên cho mỗi người nhận 1/2 số tiền bồi thường đối với nền tái định cư anh không yêu cầu chia tài sản trong vụ án ly hôn này.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị Thùy D ý kiến: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và công nợ chung chồng Nguyễn Văn Kh trình bày là đúng. Nay anh Kh yêu cầu ly hôn chị D có ý kiến:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Khi ly hôn hai người con chung có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Thừa nhận tài sản chung đúng như anh Kh trình bày gồm có: tiền bồi thường là 1.339.202.900 đồng, trong phần tiền nhận bồi thường này đã mua hai nền đất tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang khoảng 700.000.000 đồng (nhưng để người khác đứng tên), số tiền còn lại cho mẹ ruột là bà Lê Thu Phương mượn một phần (không nhớ số tiền cụ thể), khi vay tiền hai bên không làm biên nhận vay tiền, số tiền còn lại đã tiêu xài hết; 01 nền tái định cư trong khu dân cư Suối Lớn, xã Dương Tơ (hiện chưa biết vị trí nền cụ thể chỉ có tên trên phương án cấp nền); ngoài ra còn có tài sản chung là chiếc xe Exciter và tiệm nhôm sắt tọa lạc tại tổ 9, ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ. Nay đồng ý giao chiếc xe Exciter và tiệm nhôm sắt cho anh Kh được toàn quyền quản lý và sử dụng, bà Dương không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án chia phần tài sản này, đối với số tiền bồi thường 1.339.202.900 đồng và nền tái định cư tại Suối Lớn thì không đồng ý chia cho anh Kh.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu Phương vắng mặt nhưng có ý kiến: thừa nhận có nợ Lê Thị Thùy D số tiền 50.000.000đ đây là tiền mượn riêng không liên quan đến tài sản tranh chấp giữa Khiêm và Dương, bà sẽ xử lý việc nợ với Dương riêng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

* Con chung: Nguyễn Kiều Trang và Nguyễn Chí Khang đều có nguyện vọng theo ở với cha khi cha mẹ ly hôn, quyết định này không ai ép buộc hay xúi giục.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn thụ lý vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng xét thấy vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, do đó kiến nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm chung.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 33, Điều 55, khoản 2 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Kh và chị Lê Thị Thùy D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kiều Trang, sinh ngày 18/5/2005 và cháu Nguyễn Chí Khang, sinh ngày 21/10/2007 cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Kh.

- Về tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của chị D, anh Kh về giao chiếc xe Exiter và xưởng nhôm, sắt cho anh Dương quản lý, sử dụng (đã thực hiện xong). Đối với số tiền bồi thường 1.339.202.900đ đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đề nghị chia cho anh Kh 1/3 số tiền được bồi thường (anh Kh được hưởng 446.400.966đ; chị D được hưởng 892.801.933đ), buộc chị D có trách nhiệm hoàn trả cho anh Kh số tiền 446.400.966đ.

Đối với 01 nền tái định cư tại khu dân cư Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc đương sự không tranh chấp trong vụ án này, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: anh Kh, chị D cam kết không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu, đề nghị miễn xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu Ph có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt bà Phương.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Kh và chị Lê Thị Thùy D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang vào ngày 25 tháng 8 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Kh xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Kh giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị D, chị D đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Kh và chị Lê Thị Thùy D.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Kh và chị Lê Thị Thùy D thừa nhận vợ chồng có tạo dựng được tài sản chung là căn nhà gắn liền với diện tích đất 507,09m² tọa lạc tại ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc. Tuy nhiên phần đất này nằm trong quy hoạch dự án khu phức hợp Vịnh Đầm (giai đoạn 2) tại xã Dương Tơ và phường An Thới, thành phố Phú Quốc và được bồi thường số tiền là 1.339.202.900 đồng (chị D đã nhận toàn bộ số tiền này); 01

chiếc xe Exiter và xưởng nhôm, sắt tại ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ; 01 nền tái định cư tại Khu dân cư Suối Lớn, xã Dương Tơ.

Tại phiên tòa anh Kh, chị D thống nhất thỏa thuận giao chiếc xe Exiter và xưởng nhôm, sắt cho anh Dương quản lý, sử dụng (việc giao nhận đã thực hiện xong); 01 nền nhà tái định cư; hai nền đất tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang hiện anh Kh, chị D không tranh chấp trong vụ án này, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Số tiền bồi thường 1.339.202.900đồng, anh Kh xin nhận $\frac{1}{2}$ số tiền, chị D không đồng ý chia số tiền này cho anh Kh

Xét yêu cầu của anh Kh về việc nhận $\frac{1}{2}$ số tiền bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Quá trình giải quyết vụ án chị D thừa nhận số tiền 1.339.202.900đ được bồi thường xuất phát từ căn nhà và đất tại ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc đây là tài sản chung được anh Kh, chị D tạo lập trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 33 luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó số tiền này là tài sản chung của vợ chung, căn cứ khoản 2 Điều 59 luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghị cần chia số tiền này thành 02 phần (anh Kh nhận $\frac{1}{2}$ số tiền, chị D nhận $\frac{1}{2}$ số tiền) tuy nhiên số tiền 1.339.202.900đ hiện chị D đang quản lý do đó chị D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Kh số tiền 669.601.450đ (sáu trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm lẻ một nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

[3] Về con chung: Hai con chung Nguyễn Kiều Trang, Nguyễn Chí Khang đều có nguyện vọng theo ở với cha (Nguyễn Văn Kh) khi cha mẹ ly hôn, anh Kh đồng ý nuôi con. Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của con chưa thành niên; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung cho anh Nguyễn Văn Kh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Việc cấp dưỡng dưỡng nuôi con anh Kh không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về công nợ chung: Anh Kh, chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ và án phí có giá ngạch trên số tiền được chia 669.601.450đ = $[20.000.000đ \times (269.601.450 \times 4\%)] = 30.784.058đ$ (ba mươi triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn không trăm năm mươi tám đồng).

Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí trên số tiền được nhận 30.784.058đ (ba mươi triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn không trăm năm mươi tám đồng).

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Kh và chị Lê Thị Thùy D thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Kiều Trang, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Chí Khang sinh ngày 21/10/2007 cho anh Nguyễn Văn Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Kh.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

a. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Kh và chị Lê Thị Thùy D về việc thống nhất giao chiếc xe Exiter và xưởng nhôm, sắt cho anh Dương quản lý, sử dụng (việc giao nhận đã thực hiện xong); ghi nhận ý kiến của anh Kh về việc không tranh chấp 01 nền nhà tái định cư tại Khu dân cư Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; 02 nền nhà tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang trong vụ án ly hôn này.

b. Anh Nguyễn Văn Kh được chia số tiền 669.601.450đ (sáu trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm lẻ một nghìn bốn trăm năm mươi đồng), chị Lê Thị Thùy D có nghĩa vụ giao lại số tiền 669.601.450đ cho anh Kh.

c. Chị Lê Thị Thùy D được chia số tiền 669.601.450đ (sáu trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm lẻ một nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

4. Về công nợ chung: Anh Nguyễn Văn Kh và chị Lê Thị Thùy D xác nhận không có, Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí có giá ngạch là 31.084.058đ (ba mươi một triệu không trăm tám mươi tư nghìn không trăm năm mươi tám đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 15.692.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, theo lai thu số 0002771 ngày 18/6/2020, anh Kh còn phải nộp thêm

số tiền 15.392.058đ (mười lăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn không trăm năm mươi tám đồng).

Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 30.784.058đ (ba mươi triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn không trăm năm mươi tám đồng)

6. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bà Phương vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS thành phố Phú Quốc;
- THA thành phố Phú Quốc;
- UBND xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Trần NgọcTriệu